

Số: /BC-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng 12 năm 2023

## BÁO CÁO

### Giải trình ý kiến, kiến nghị tại các Tổ đại biểu HĐND Tỉnh và các Ban HĐND Tỉnh thông qua thẩm tra các nội dung do UBND Tỉnh trình tại kỳ họp lần thứ bảy, HĐND Tỉnh khóa X

Tiếp nhận Báo cáo của các Ban HĐND Tỉnh thẩm tra các Báo cáo, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp lần thứ bảy, HĐND Tỉnh khóa X; Bảng tổng hợp kiến nghị của đại biểu qua thảo luận Tổ đại biểu, Kỳ họp lần thứ bảy, UBND Tỉnh giải trình như sau:

**1. Đối với Báo cáo số 410/BC-UBND ngày 10/11/2023 của UBND Tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Tờ trình số 193/TTr-UBND ngày 10/11/2023 của UBND Tỉnh về dự thảo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp năm 2024.**

*- Có ý kiến cho rằng cần có đánh giá vì sao năm 2023 tăng trưởng thấp so với thời điểm năm 2021, 2022, 06 tháng cuối năm 2023 tăng trưởng khu vực 1 sụt giảm rất lớn, các mặt hàng thủy sản (cá tra) chiếm tỷ trọng lớn nhưng không tăng, chỉ tiêu năm 2024 nếu kỳ vọng vào khu vực 1 sẽ khó khăn, cần có giải pháp quyết liệt để thực hiện đạt chỉ tiêu đề ra. Làm rõ thêm cơ sở phân đấu để thực hiện phương án kế hoạch tăng trưởng 8% trong năm 2024.*

Giá trị GRDP năm 2021 đạt **53.709** tỷ đồng, giảm **0,51%** so với năm 2022 (tương đương giảm 276 tỷ đồng). Năm 2022, GRDP đạt **58.340** tỷ đồng, tăng trưởng GRDP năm 2022 đạt **8,62%** (tương đương tăng 4.631 tỷ đồng), nhưng một phần tăng trưởng của năm 2022 chủ yếu là sự phục hồi tăng trưởng sau thời điểm suy thoái trong năm 2021 vì dịch bệnh COVID-19, nhiều động lực bị kìm nén. Năm 2023, mặc dù dịch bệnh đã kết thúc nhưng suy thoái kinh tế tiếp tục diễn ra, bối cảnh có nhiều bất lợi cho tăng trưởng kinh tế cả nước nói chung và Đồng Tháp nói riêng, nhưng GRDP của Tỉnh vẫn tiếp tục đà tăng trưởng và đạt **6,14%** so với năm 2022, tương đương tăng **3.581** tỷ đồng, ngoài trừ năm 2022 thì đây là giá trị tăng cao nhất trong 10 năm trở lại đây (đỉnh cao tăng trưởng năm 2018 là 7%, thì cũng chỉ tăng 3.280 tỷ đồng so với năm 2017). Mặt khác đây là mức tăng trưởng cao hơn cả nước (cả nước ước tính tăng trưởng khoảng 5%).

Về chỉ tiêu tăng trưởng kế hoạch năm 2024 của các ngành hàng chủ lực, khu vực Nông - lâm - thủy sản, tăng trưởng chung đã được giải trình, phân tích và

thuyết minh chi tiết tại Phụ lục III và Phụ lục IV kèm theo Tờ trình số 193/TTr-UBND ngày 10/11/2023 của UBND Tỉnh trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, trong đó, nêu rõ cơ sở chỉ tiêu, sự phấn đấu, tính khả thi.

***- Có ý kiến đề nghị cần phân tích để làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện một số chỉ tiêu của năm 2023 không đạt. Đề ra giải pháp khắc phục trong năm 2024.***

Đối với 03 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch năm 2023 mà Hội đồng nhân dân Tỉnh đã đề ra, UBND Tỉnh, Chủ tịch UBND Tỉnh thẳng thắn nhìn nhận hạn chế và khuyết điểm với vai trò chỉ đạo, điều hành. Trong Báo cáo số 410/BC-UBND Tỉnh đã đánh giá hạn chế, nguyên nhân chủ quan và khách quan của hạn chế. Bên cạnh đó, trong Báo cáo kiểm điểm, chỉ đạo điều hành của UBND Tỉnh, Báo cáo kiểm điểm của tập thể Ban cán sự đảng UBND Tỉnh, cá nhân thành viên Ban cán sự đảng UBND Tỉnh, thành viên UBND Tỉnh đã chỉ ra trách nhiệm, khuyết điểm và giải pháp khắc phục trong năm 2024.

***- Đề nghị bổ sung thêm đánh giá hạn chế chủ quan trong lãnh đạo điều hành của UBND Tỉnh còn chậm, thiếu quyết đoán, linh hoạt trong việc giải quyết vấn đề thiếu vật liệu xây dựng, trong đó có nguồn cát san lấp trên địa bàn Tỉnh nói chung, huyện Hồng Ngự nói riêng; hiện Tỉnh chưa có chủ trương quy hoạch mỏ đất để phục vụ các công trình xây dựng trên địa bàn từng huyện.***

Tại Kỳ họp lệ Hội đồng nhân dân Tỉnh lần thứ 6, Chủ tịch UBND Tỉnh đã giải trình chất vấn của đại biểu về vấn đề trên, trong đó, phân tích cụ thể tình hình, nguyên nhân của hạn chế trong giải quyết vấn đề thiếu vật liệu xây dựng, trong đó có nguồn cát san lấp. Trong 06 tháng cuối năm 2023, UBND Tỉnh đã nỗ lực rất lớn để tập trung chỉ đạo, điều hành công tác để khắc phục nhanh nhất hạn chế này. Kết quả, Tỉnh đã có chủ trương cho tiếp tục khai thác các mỏ cát, gia tăng khối lượng cung ứng nguồn cát san lấp cho các công trình trọng điểm quốc gia theo chỉ đạo của Trung ương, các công trình đầu trọng điểm Tỉnh, qua đó đảm bảo tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công trong 11 tháng đầu năm hơn **5.200** tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân đạt **81,5%**, là địa phương tiêu biểu, xếp trong nhóm giải ngân cao trong cả nước. Tuy nhiên, với nhu cầu rất lớn khó đáp ứng hoàn toàn trong thời gian ngắn, UBND Tỉnh xin ghi nhận ý kiến của đại biểu và tiếp tục quyết liệt chỉ đạo giải quyết trong thời gian tới.

***- Dự báo tình hình năm 2024 còn nhiều khó khăn, có ý kiến đề nghị cần có cơ chế đặc thù riêng của Tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội, đề nghị Tỉnh quan tâm thực hiện tốt công tác đầu tư công vì đây là động lực quan trọng để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Bên cạnh, cần có sự hỗ trợ về thủ tục hành chính, tạo các điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư tư triển khai thực hiện để góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của Tỉnh. Quan tâm chỉ***

***tiêu về thu nhập bình quân đầu người; công tác triển khai thực hiện chuyển đổi số, xây dựng kinh tế số.***

Ủy ban nhân dân Tỉnh ghi nhận ý kiến của đại biểu, tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ và hiệu quả 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trên tất cả các lĩnh vực để hoàn thành thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Đặc biệt, tập trung công tác nghiên cứu, tham mưu Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành các chính sách có chất lượng, thực chất, kịp thời triển khai chính sách đi vào cuộc sống.

***- Có ý kiến đề nghị cần đánh giá sát hơn tình hình sản xuất, tiêu thụ nông sản (xoài, mít) do tình hình giá cả biến động, thị trường tiêu thụ không ổn định, nên có giải pháp và chính sách hỗ trợ cho người dân an tâm sản xuất.***

Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân Tỉnh thường xuyên chỉ đạo Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn phối hợp với các địa phương đánh giá tình hình sản xuất cũng như tiêu thụ nông sản, theo dõi và báo cáo định kỳ hằng tuần, hằng tháng, quý. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các cấp tuyên truyền, vận động người dân sản xuất theo định hướng phát triển nông nghiệp của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân Tỉnh và quy luật cung cầu, tránh sản xuất ồ ạt. Trong năm 2023, diện tích trồng xoài đạt 14.829 ha, tăng 6% so năm 2022; sản lượng thu hoạch đạt 144.936 tấn, lợi nhuận bình quân từ 142 – 232 triệu đồng/ha (giảm 114 – 163 triệu đồng/ha so cùng kỳ do giá bán không cao). Diện tích trồng mít đạt 7.930 ha, tăng 13,9% so năm 2022, giá bán thuận lợi, lợi nhuận bình quân khoảng 161 triệu đồng/ha (tăng khoảng 94 triệu đồng/ha so với cùng kỳ).

Để phát triển cây ăn trái chủ lực tỉnh Đồng Tháp, UBND Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 17/7/2023 về phát triển cây ăn trái chủ lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030, từ đó hằng năm, giao Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn cụ thể hóa các nội dung, giải pháp bằng các kế hoạch thực hiện, đồng thời lồng ghép thông tin, tuyên truyền sâu rộng đến người dân thông qua các buổi Tọa đàm, Hội thảo, tập huấn... Ghi nhận và tiếp thu ý kiến của đại biểu, trong năm 2024, UBND Tỉnh tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp để người an tâm sản xuất.

***- Về tình hình hoạt động của các HTX, cần phân loại có bao nhiêu HTX mức trung bình, yếu để có giải pháp hỗ trợ phù hợp, vì đây là một trong những tiêu chí về xây dựng nông thôn mới.***

Hằng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, UBND Tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp các địa phương rà soát, hướng dẫn HTX đánh giá phân loại HTX nông nghiệp theo Thông tư 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, để

nắm bắt cụ thể số lượng HTX đạt các loại tốt, khá, trung bình và yếu, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế của các HTX. Qua đó, đề xuất các giải pháp hỗ trợ cụ thể. Đối với các HTX xếp loại trung bình và yếu, hằng năm UBND Tỉnh giao Liên minh HTX Tỉnh hỗ trợ, hướng dẫn HTX xây dựng kế hoạch củng cố, nâng chất.

***- Sớm có chủ trương đối với công tác lập quy hoạch đô thị loại V trên địa bàn Tỉnh để cấp huyện chủ động thực hiện các bước tiếp theo nhằm thực hiện có hiệu quả giải pháp về phát triển đô thị trong thời gian tới.***

Theo phương án quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn trong Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, tỉnh Đồng Tháp có 10 đô thị mới dự kiến được phân loại đạt tiêu chí đô thị loại V có quy mô diện tích và dân số theo tiêu chuẩn đơn vị hành chính là Thị trấn. Do đó, sau khi Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp được phê duyệt, căn cứ Luật Quy hoạch đô thị 2009, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Xây dựng tham mưu tổ chức lập quy hoạch chung đô thị mới theo quy định. Đồng thời, hiện UBND tỉnh đã cho chủ trương giao Sở Xây dựng là chủ đầu tư tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, định hướng 2050 (*đang dự thảo Kế hoạch lập chương trình theo quy định tại Thông tư 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị*), dự kiến sẽ trình UBND tỉnh phê duyệt trong năm 2024. Chương trình phát triển đô thị tỉnh Đồng Tháp được phê duyệt là cơ sở để đầu tư xây dựng phát triển đô thị và tổ chức phân loại đô thị theo Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15.

***- Cần có giải pháp nghiên cứu rà soát cơ chế chính sách của Trung ương hiện nay còn vướng mà Tỉnh chưa thực hiện được theo từng khu vực để có đề xuất kiến nghị kịp thời với Bộ ngành Trung ương có giải pháp tháo gỡ khó khăn cho địa phương.***

UBND Tỉnh thường xuyên chỉ đạo các ngành, địa phương phối hợp rà soát báo cáo UBND Tỉnh các vấn đề còn vướng mắc trong quá trình triển khai chính sách, pháp luật cần cho ý kiến từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, Quốc hội, nhất là việc thực hiện Công điện số 238/CĐ-TTg ngày 10/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu trong thời gian tới; Quyết định số 435/QĐ-TTg ngày 24/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công thành viên Chính phủ chủ trì đôn đốc làm việc với các địa phương về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu trên địa bàn; Công văn số 5738/BNN-KH ngày 18/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai nhiệm vụ của các thành viên Chính phủ làm việc với các địa phương. Hằng tháng UBND Tỉnh đều có báo cáo tình hình kinh tế - xã hội cũng như các kiến nghị, đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc. Định kỳ 6 tháng và cả năm báo

cáo kiểm điểm chỉ đạo, điều hành, báo cáo khó khăn và kiến nghị, đề xuất giải quyết hỗ trợ thuộc thẩm quyền của Trung ương. Trong năm 2023, UBND Tỉnh cũng đã báo cáo, kiến nghị trực tiếp với Thủ tướng Chính phủ 14 kiến nghị.

**- Hiện nay ở một số địa phương tình hình chuyển đổi nước ngầm sang nước mặt còn khó khăn về kinh phí, UBND Tỉnh cần cân đối nguồn vốn để cho vay đầu tư nước sạch nông thôn theo Nghị quyết số 380/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Tỉnh.**

Thực hiện Nghị quyết số 380/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh, trong giai đoạn 2021 - 2023, Quỹ Đầu tư phát triển đã cho vay lĩnh vực cấp nước nông thôn 15 dự án với số tiền 36,638 tỷ đồng. Hiện nay, hầu hết các nhà đầu tư đã thực hiện chuyển đổi nguồn nước từ nguồn vốn xã hội hoá của đơn vị và vốn huy động khác. UBND Tỉnh ghi nhận ý kiến của đại biểu, tiếp tục quan tâm, có nhiều giải pháp hữu hiệu hơn để hỗ trợ các nhà đầu tư, hoàn thành chỉ tiêu về nước sạch trong thời gian tới.

**- Về chỉ tiêu thành lập mới HTX trong năm 2024, có ý kiến đề nghị nâng từ 7 HTX lên 10 hoặc 11 HTX được thành lập mới.**

Thực hiện chủ trương, đường lối của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác phát triển hợp tác xã, cụ thể: “*phát triển hợp tác xã theo chất lượng, bền vững, không chạy theo số lượng mà cần đặc biệt quan tâm về chất lượng nội tại bên trong của hợp tác xã; HTX phải được thành lập trên cơ sở tự nguyện, số đông đồng thuận, vốn góp phù hợp tạo điều kiện cho nhiều người được tham gia*”; “*phát triển kinh tế tập thể hiệu quả, bền vững, tôn trọng bản chất, giá trị và nguyên tắc của kinh tế tập thể*” (Chương trình hành động số 49-CTr/TU ngày 21/02/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII), Uỷ ban nhân dân Tỉnh đề nghị giữ nguyên chỉ tiêu như dự thảo, để bảo đảm chất lượng phát triển hợp tác xã.

**- Đề nghị bổ sung các chỉ tiêu về Lĩnh vực giáo dục: Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và mức độ 2 và chỉ tiêu nâng cao chất lượng giáo dục dạy và học, tốt nghiệp THPT; chỉ tiêu huy động và duy trì sĩ số học sinh các bậc học trên địa bàn Tỉnh.**

Các chỉ tiêu về lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo nêu trên, UBND Tỉnh đã quan tâm và đề ra chỉ tiêu tại Khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 trong Chương trình hành động của UBND Tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh năm 2024 và Nghị quyết của HĐND Tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

**- Có ý kiến đề nghị Tỉnh cần có chương trình cụ thể về lồng ghép phát triển kinh tế tuần hoàn để phát huy hiệu quả của các chương trình. Xây dựng**

***phương án tổng thể về phát triển nông nghiệp, trong đó, ưu tiên nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.***

Việc phát triển kinh tế tuần hoàn đã được UBND Tỉnh quan tâm, lồng ghép triển khai thông qua Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Tái cơ cấu ngành công nghiệp; tăng trưởng xanh... và đạt được một số kết quả tích cực trong tạo thuận lợi cho các mô hình, dự án kinh tế tuần hoàn trên địa bàn phát triển; đồng thời giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng các chương trình sản xuất, tiêu dùng bền vững trên địa bàn. Thực hiện Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 06 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học Công nghệ và các đơn vị liên quan tham mưu triển khai lộ trình, các nhiệm vụ, tích cực tham gia xây dựng cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn. Chuẩn bị triển khai Đề án “Phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp đến năm 2030”. UBND Tỉnh ghi nhận và tiếp thu ý kiến của đại biểu, khẩn trương thực hiện trong thời gian tới.

***- Đối với các ý kiến đề nghị bổ sung nội dung vào kế hoạch năm 2024 như: thuận lợi về quan hệ ngoại giao được nâng lên cấp chiến lược toàn diện giữa Việt Nam với Hoa Kỳ, Nhật Bản; công tác phòng chống tai nạn thương tích trẻ em, tai nạn đuối nước, trẻ em chịu ảnh hưởng trên môi trường mạng; giải pháp kiềm chế tai nạn giao thông.***

UBND Tỉnh ghi nhận, tiếp thu và bổ sung phù hợp vào các Chương trình, Kế hoạch của UBND Tỉnh, Sở, ban, ngành Tỉnh để thực hiện trong năm 2024.

**2. Đối với Báo cáo số 386/BC-UBND ngày 23/10/2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về công tác phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn giao thông năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024**

***- Đề nghị bổ sung, đánh giá tình hình tội phạm thanh thiếu niên vi phạm pháp luật trên địa bàn Tỉnh nói chung, đặc biệt là trên địa bàn thành phố Cao Lãnh có chiều hướng gia tăng, trẻ hóa, đối tượng sử dụng hung khí nguy hiểm... đang có dấu hiệu diễn biến ngày càng phức tạp. Có biện pháp trấn áp hiệu quả các loại tội phạm có tổ chức trong nội địa và xuyên biên giới***

Trong năm 2023, tình hình thanh thiếu niên phạm tội về trật tự xã hội xảy ra 171 vụ 264 đối tượng (so với cùng kỳ năm 2022 giảm 19 vụ, giảm 73 đối tượng); riêng trên địa bàn thành phố Cao Lãnh xảy ra 22 vụ 29 đối tượng thanh thiếu niên phạm tội (so với cùng kỳ năm 2022 giảm 05 vụ 18 đối tượng). Tình hình tội phạm trong thanh thiếu niên được kiềm chế, kéo giảm về số vụ và số đối tượng. UBND Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 01/6/2023 về phòng, chống thanh thiếu niên vi phạm pháp luật giai đoạn 2020 – 2025. Trên địa bàn Tỉnh chưa phát hiện tội phạm hoạt động có tổ chức và tội phạm xuyên

quốc gia. UBND Tỉnh thường xuyên chỉ đạo lực lượng Công an rà soát các băng, nhóm tội phạm để chủ động triệt xóa, kiên quyết không để hình thành tội phạm có tổ chức hoạt động theo kiểu “Xã hội đen”, tội phạm hoạt động xuyên quốc gia.

***- Có chính sách xã hội để giải quyết tình trạng người bệnh tâm thần***

Tỉnh đang thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng xã hội, trong đó có chính sách trợ giúp xã hội cho người tâm thần.

***- Nâng cao chất lượng cơ sở điều trị nghiện để cai nghiện và giáo dục, hạn chế tái nghiện sau cai nghiện***

UBND Tỉnh đã chỉ đạo các ngành chuyên môn rà soát, thực hiện trình tự đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng Cơ sở Điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp theo quy định.

Thời gian qua, Cơ sở điều trị nghiện Tỉnh đã tích cực thực hiện nhiệm vụ, từ việc điều trị kết hợp chuẩn bị phương án để tái hòa nhập cộng đồng và áp dụng các biện pháp phòng, chống tái nghiện.

Thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề giúp cho người nghiện hiểu rõ về tác hại của ma túy; tạo điều kiện tham gia gia công sản phẩm, trồng rau xanh, chăm sóc cây kiểng, trồng cây tạo cảnh quan cho đơn vị, tham gia các hoạt động vui chơi giải trí như: bóng đá, bóng chuyền, hát karaoke và các hoạt động thể dục thể thao ngoài trời, xem ti vi, nghe đài, đọc sách báo, góp phần ổn định tâm lý, học viên an tâm cai nghiện, học tập, lao động.

Bên cạnh nỗ lực của ngành chức năng và người sau cai nghiện, đề nghị gia đình và cộng đồng quan tâm, động viên, tạo điều kiện giúp đỡ, hỗ trợ người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng.

***- Nâng cao chất lượng công tác phòng ngừa tội phạm trên không gian mạng***

UBND Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 17/02/2023 về tăng cường các giải pháp phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao trên địa bàn Tỉnh, giai đoạn 2022 - 2026. Ghi nhận ý kiến của đại biểu, thời gian tới UBND Tỉnh tiếp tục chỉ đạo ngành chức năng tăng cường các giải pháp để nâng cao chất lượng phòng ngừa tội phạm trên không gian mạng.

***- Xem xét, có chế độ hỗ trợ cho Tổ Giáo dục - Giúp đỡ người nghiện đang hoạt động theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 39 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy***

Ngày 18/7/2023, HĐND Tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 43/2023/HĐND quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người làm công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**- Cần đánh giá công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm còn nhiều hạn chế, bất cập như: Công tác tham mưu xử lý chưa quyết liệt; giải pháp tuyên truyền hiện nay chưa làm thay đổi nhận thức của người bị hại, đối tượng phạm tội; chính sách pháp luật chưa đồng bộ trong xử lý đối tượng; chế tài xử lý chưa tương xứng mức phạm tội; nghiệp vụ của lực lượng Công an trong công tác phòng, chống tội phạm còn hạn chế. Đề nghị bổ sung các giải pháp thực hiện: Tiếp tục tham mưu Tỉnh ủy chỉ đạo cả hệ thống chính trị vào cuộc; nâng cao công tác tuyên truyền cho người dân giữ gìn tài sản nhằm hạn chế tội phạm.**

**- Công tác tham mưu xử lý chưa quyết liệt**

Ủy ban nhân dân Tỉnh tham mưu Ban cán sự đảng UBND Tỉnh trình Tỉnh ủy ban hành, triển khai nhiều kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới, tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy... Định kỳ tham mưu Tỉnh ủy kiểm tra, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo.

**- Giải pháp tuyên truyền hiện nay chưa làm thay đổi nhận thức của người bị hại, đối tượng phạm tội**

Hiện nay, các cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức thành viên thực hiện công tác tuyên truyền với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, tác động mạnh mẽ đến nhận thức các cấp, các ngành và quần chúng Nhân dân. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận người dân còn lơ là, mất cảnh giác để đối tượng lợi dụng hoạt động phạm tội; các đối tượng phạm tội thường không quan tâm đến công tác tuyên truyền, cố ý hoạt động phạm tội. Thời gian tới, cần phải tiếp tục huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và quần chúng Nhân dân thực hiện tốt công tác tuyên truyền, chú ý tập trung tuyên truyền cá biệt số đối tượng có nguy cơ cao, có biểu hiện phạm tội và vi phạm pháp luật.

**- Chính sách pháp luật chưa đồng bộ trong xử lý đối tượng vi phạm; chế tài xử lý vi phạm chưa tương xứng mức phạm tội**

Việc xử lý đối tượng và chế tài xử lý đối tượng đều phải căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; trong các báo cáo sơ kết, tổng kết có nội dung liên quan thì đều có kiến nghị, đề xuất bổ sung, điều chỉnh phù hợp với thực tiễn.

**- Nghiệp vụ của lực lượng Công an trong công tác phòng ngừa tội phạm còn hạn chế**



Hiện nay, Công an Tỉnh đang thực hiện Đề án điều động lực lượng Công an chính quy về đảm nhiệm các chức danh Công an xã trên địa bàn Tỉnh. Do quân số hạn chế, chưa được bổ sung kịp thời nên việc điều động dẫn đến tình trạng thiếu lực lượng Công an ở cấp tỉnh và cấp huyện. Tuy nhiên, bộ máy Công an Tỉnh đã được kiện toàn, có sự phân, công phân cấp rõ ràng nên công tác chuyên môn, nghiệp vụ của lực lượng Công an ngày càng được nâng cao, phục vụ có hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm.

***- Đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo các đơn vị liên quan có kế hoạch phòng, chống tội phạm trước, trong và sau Tết Nguyên đán nhằm kiểm chế tội phạm***

Thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Công an về mở đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 (***trong 2,5 tháng, từ ngày 15/12/2023 đến 29/02/2024***), UBND Tỉnh đã chỉ đạo Công an Tỉnh đã tham mưu dự thảo văn bản để chỉ đạo các Sở, Ngành Tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phối hợp với lực lượng Công an thực hiện tốt đợt cao điểm.

***- Trong báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ nêu phương hướng thực hiện thời gian tới mang tính chất chung chung. Đề nghị cần nêu giải pháp thực hiện và trách nhiệm thực hiện cụ thể của các ngành, các cấp có liên quan***

UBND Tỉnh đã ban hành nhiều chỉ thị, kế hoạch, đề án, phương án thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 2020 - 2025 và từng năm đều cụ thể hóa bằng giải pháp để phân công trách nhiệm cho các ngành, các cấp thực hiện. Vì vậy, nội dung báo cáo chỉ nêu phương hướng thực hiện, những giải pháp và phân công nhiệm vụ được cụ thể hóa theo từng kế hoạch chuyên đề.

***- Đề nghị các ngành có liên quan và địa phương có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa để có giải pháp xử lý mạnh mẽ, quyết liệt nhằm kéo giảm tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm trật tự an toàn giao thông***

Ngoài các văn bản của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh, các Ban Chỉ đạo Tỉnh chỉ đạo thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự, hiện nay các Sở, Ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh và các tổ chức thành viên thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch phối hợp trong công tác phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trong đó lực lượng Công an giữ vai trò nòng cốt.

**3. Đối với Báo cáo số 447/BC-UBND ngày 01/12/2023 của UBND Tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và dự kiến phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024.**

***- Đề nghị làm rõ khó khăn, nguyên nhân cụ thể các chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân rất thấp dưới 20% và giải pháp tháo gỡ khó khăn trong thời gian tới***

***nhằm đảm bảo tiến độ giải ngân theo kế hoạch đề ra, cụ thể như: Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường CĐ Y tế ĐT, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn, Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông Tỉnh, Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh, Ban QLDA ĐTXDCT NN&PTNT Tỉnh.***

Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2023 là 5.006,809 tỷ đồng/6.498,329 tỷ đồng, đạt 77,05%, cao hơn 17,79% so với cùng kỳ (năm 2022, đạt 59,26%). Cập nhật số liệu giải ngân đến thời điểm gần nhất đến ngày 30/11/2023 là 5.292,736 tỷ đồng/6.498,329 tỷ đồng, đạt 81,5%. *(Số liệu giải ngân tổng đến 15/11/2023 là đúng (77,05%), tuy nhiên do có sự sai sót trong quá trình tổng hợp, số liệu giải ngân từng Chủ đầu tư trong Phụ lục 1 kèm theo Báo cáo số 447/BC-UBND có sự nhầm lẫn – UBND Tỉnh xin đính chính và kèm theo Phụ lục tỷ lệ giải ngân từng Chủ đầu tư đến ngày 15/11/2023, rất mong quý đại biểu thông cảm).*

Đến nay, có 2 đơn vị giải ngân dưới 20% kế hoạch, gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư đạt 2,07% (do Dự án đang hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Trung ương) và Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn (chưa giải ngân phần vốn chuẩn bị đầu tư của dự án Xây dựng công trình phục vụ Thiết chế văn hóa cho thanh thiếu nhi tỉnh Đồng Tháp đang hoàn chỉnh phương án thiết kế theo cấp có thẩm quyền), các cơ quan, đơn vị còn lại đều giải ngân trên 50%.

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách. Thời gian còn lại của năm 2023, UBND Tỉnh dự kiến tổ chức họp 2 tuần/lần để đôn đốc, kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, bảo đảm giải ngân vốn đầu tư công đạt kết quả tốt nhất.

**4. Đối với Báo cáo số 425/BC-UBND ngày 22/11/2023 của UBND Tỉnh về báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách tỉnh Đồng Tháp năm 2022.**

***Cần làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm trong việc bị Trung ương thu hồi 465 tỷ đồng (Tỉnh cần nguồn kinh phí để phát triển kinh tế - xã hội, khi được Trung ương phân bổ lại không sử dụng hết).***

Tổng số ngân sách trung ương (NSTW) thu hồi 465 tỷ đồng, trong đó: chi từ nguồn cải cách tiền lương (CCTL) và chính sách an sinh xã hội (ASXH): 434,926 tỷ đồng; chi đầu tư 30 tỷ đồng.

- Đối với chi từ nguồn CCTL và chính sách ASXH: Theo thông báo tại Công văn số 4405/BTC-KBNN, Kho bạc Nhà nước Trung ương đã thực hiện trích tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh để hoàn trả NSTW, số tiền 434,926 tỷ đồng (bao gồm: (1) Nguồn thực hiện CCTL là 202,194 tỷ đồng; (2) Nguồn thực hiện các chính sách ASXH do trung ương ban hành là 232,732 tỷ đồng). Lý do: theo thẩm định tại Công văn số 14012/BTC-NSNN ngày 30/12/2022, Bộ Tài chính

xác định: (1) kinh phí thực hiện CCTL năm 2021 của địa phương còn dư 836,017 tỷ đồng (do tính thêm 70% kết dư ngân sách địa phương bắt đầu từ năm 2019); (2) kinh phí thực hiện các chính sách ASXH của tỉnh năm 2021 còn thiếu 277,095 tỷ đồng; do đó, căn cứ quy định tại Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đề nghị địa phương sử dụng từ nguồn CCTL năm 2021 còn dư để thực hiện các chính sách ASXH năm 2021; đồng thời, thông báo thu hồi kinh phí NSTW bổ sung có mục tiêu cho địa phương để thực hiện các chính sách ASXH đã giao dự toán năm 2021 (tại Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính về giao dự toán NSNN năm 2021), số tiền 434,926 tỷ đồng. Như vậy, việc thu hồi số tiền nêu trên là trên cơ sở Bộ Tài chính xác định lại nguồn thực hiện CCTL.

- Đối với chi đầu tư: NSTW thu hồi 30 tỷ đồng đối với 05 dự án do hết thời gian kéo dài, cụ thể: (1) Dự án bố trí ổn định dân cư Dinh Bà, xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng, số tiền 11,5 tỷ đồng (*Công văn số 3700/BTC-KBNN ngày 14/4/2023 của Bộ Tài chính*); (2) Dự án xử lý, khắc phục tình trạng sạt lở sông Sở Thượng, huyện Hồng Ngự: 9,68 tỷ đồng; (3) Dự án xử lý khẩn cấp các hố xoáy mới phát sinh giáp chân kè chợ Bình Thành, huyện Thanh Bình: 1,462 tỷ đồng; (4) Dự án hệ thống đê bao nhằm ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông: 6,229 tỷ đồng; (5) Dự án Kè bờ từ đoạn kè Bình Thành đến Vàm Phong Mỹ: 0,862 tỷ đồng.

Đối với các dự án này, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, địa phương có liên quan trong việc sử dụng nguồn vốn không đúng thời gian quy định và bị Trung ương thu hồi nguồn vốn.

**5. Đối với Tờ trình số 203/TTr-UBND ngày 22/11/2023 của UBND Tỉnh về dự thảo Nghị quyết phê chuẩn dự toán NSNN năm 2024 và phân bổ ngân sách cấp Tỉnh năm 2024 của tỉnh Đồng Tháp.**

***- Đề nghị có giải pháp khả thi nuôi dưỡng nguồn thu nhằm phục vụ các mục tiêu chung. Cần bố trí đủ tỷ lệ dự phòng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách để có đủ nguồn chi những nhiệm vụ phát sinh theo quy định của pháp luật.***

Về các giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu nhằm phục vụ các mục tiêu chung, trong Tờ trình dự thảo Nghị quyết HĐND Tỉnh về phê chuẩn dự toán ngân sách Nhà nước (NSNN) và phê chuẩn dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2024 tỉnh Đồng Tháp đã đề xuất các giải pháp cơ bản để hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu, chi NSNN trên địa bàn tỉnh năm 2024.

Về tỷ lệ dự phòng năm 2024: Theo Quy định của Luật NSNN năm 2015 “*Mức bố trí dự phòng từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách mỗi cấp*”; Nội dung chi từ dự phòng ngân sách được quy định cụ thể tại khoản 2, Điều 10, Luật NSNN năm 2015. Theo Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ

Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2024 và Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024 - 2026; cụ thể tại điểm đ, khoản 2, Điều 21 hướng dẫn “*Dự phòng NSDP bố trí theo đúng quy định của Luật NSNN (từ 2-4% tổng chi cân đối NSDP-không bao gồm số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương để thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ, các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành và số bội chi NSDP)*”.

Theo đó, tổng dự toán cân đối NSDP là: 16.638.433 triệu đồng, nếu loại trừ các khoản bổ sung mục tiêu, chi tạo nguồn cải cách tiền lương thì tổng chi cân đối NSDP là 15.268.633 triệu đồng; Dự phòng NSDP là 327.869 triệu đồng, chiếm khoảng 2,15% (327.869 triệu đồng/15.268.633 triệu đồng); tăng so với mức trung ương bố trí năm 2024 là 19.000 triệu đồng; tăng so với dự toán năm 2023 là 53.246 triệu đồng.

***- Dự toán thu ngân sách năm 2024 tăng so với 2023. Việc giao chỉ tiêu thu ngân sách cần xem xét thực tiễn, có cơ sở giao dự toán cho phù hợp để có giải pháp cân đối nguồn vốn. Nếu thu không đạt sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch vốn đầu tư công.***

Trên cơ sở dự toán thu của trung ương và mức phấn đấu của địa phương nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Dự toán NSNN năm 2024 trên địa bàn được xây dựng theo hướng bảo đảm kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tình hình tài chính trong và ngoài nước, yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, về quản lý thu, nhất là các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí và gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất hết hiệu lực của năm 2023; bảo đảm đủ nguồn lực thực hiện các chế độ, điều chỉnh tiền lương cơ sở (*lên 1,8 triệu đồng/tháng*); đảm bảo thực hiện chính sách đã được cấp có thẩm quyền ban hành và theo đúng quy định của Luật NSNN. Theo đó, Dự toán thu NSNN trên địa bàn (tính tròn): 9.266 tỷ đồng, gồm: *Thu nội địa 9.066 tỷ đồng, Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 200 tỷ đồng (trong số thu nội địa, thu tiền sử dụng đất là 1.770 tỷ đồng (bằng với số Bộ Tài chính giao, tăng so với năm 2023 là 870 tỷ đồng).*

Năm 2024, là năm thứ tư của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 – 2025; do đó, để đảm bảo thực hiện theo kế hoạch nêu trên, cần tập trung thực hiện một số giải pháp như đã nêu trong dự thảo Nghị quyết về phê chuẩn dự toán NSNN năm 2024 và phê chuẩn dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2024 tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các ngành, các địa phương chủ động hơn nữa trong việc quản lý, điều hành ngân sách sách, phân đấu hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu, chi NSNN trên địa bàn năm 2024.

***- Thu ngân sách năm 2023 huyện, tỉnh gặp khó khăn, nhiều nhiệm vụ chi phát sinh. Để đảm bảo nhiệm vụ chi phát sinh phải có dự phòng ngân sách, nhưng hiện nay không có nguồn dự phòng. Sở Tài chính hướng dẫn toàn bộ***

***các nguồn chuyển kết dư, sau đó tỉnh phân bổ lại. Tờ trình số 203/TTr-UBND thực tế các huyện không có nguồn kết dư, đề nghị cho cấp huyện được giữ lại 1 phần kết dư để cấp huyện chi.***

Theo tiến độ thu NSNN trên địa bàn tính đến ngày 30/11/2023; Tổng thu nội địa là 7.284 tỷ đồng; đạt 97,9% so dự toán giao; trong đó, tiến độ thu của 12 huyện, thành phố có 10/12 huyện, thành phố thu đạt 100% dự toán giao; 02/12 huyện, thành phố thu đạt dưới 90% dự toán giao. Theo đánh giá của ngành Thuế, ước thực hiện dự toán thu NSNN trên địa bàn là 8.151 tỷ đồng đạt 107,4% so dự toán giao; NSDP hưởng theo phân cấp tăng thu 216 tỷ đồng (*trong đó, ngân sách cấp tỉnh hụt thu 294 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện tăng thu 511 tỷ đồng*). Thu nội địa cấp tỉnh hụt thu, nguyên nhân chủ yếu do giảm 50% thuế bảo vệ môi trường; Chính sách giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023 theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ.

Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, trường hợp hụt thu ngân sách, địa phương chủ động huy động các nguồn như: 50% dự phòng ngân sách, sắp xếp nhiệm vụ chi chưa thật sự cần thiết; kết dư ngân sách (*nếu có*), nguồn CCTL còn dư theo quy định, huy động 70% nguồn Quỹ Dự trữ tài chính (đối với ngân sách cấp tỉnh)...theo quy định của Luật NSNN. Theo đó, ý kiến cho cấp huyện được giữ lại 1 phần kết dư để cấp huyện chi, hiện nay, chưa có cơ sở pháp lý để thực hiện. Đề nghị các địa phương căn cứ quy định Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn của trung ương thực hiện.

***- Thuế thu nhập cá nhân phải điều tiết về Tỉnh là 20% gây khó khăn cho cấp huyện. Cần quy định mức điều tiết phù hợp để cấp huyện thuận lợi trong cân đối ngân sách.***

Nội dung kiến nghị này UBND Tỉnh đã có giải trình cụ thể tại Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 16/7/2023 về giải trình ý kiến, kiến nghị của đại biểu thông qua thảo luận tại các Tổ đại biểu HĐND Tỉnh, Kỳ họp thứ sáu, HĐND Tỉnh khóa X.

**6. Đối với Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 01/12/2023 của UBND Tỉnh về dự thảo Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2024 từ nguồn ngân sách nhà nước do Tỉnh quản lý và phân bổ**

***- Hiện nay tình hình giá cả biến động tăng, cần có điều chỉnh mức phân bổ cho địa phương. Đồng thời, đề nghị xem lại phân cấp đầu tư cho các huyện, thành phố cho phù hợp, điều chỉnh mức phân bổ đầu tư cho các địa phương vì hiện nay có nhiều dự án chi phí GPMB cao, giá trị vật tư tăng cao nhưng vốn Tỉnh hỗ trợ rất thấp. Đề nghị Tỉnh xem xét hỗ trợ trọn gói đối với một số công trình dự án cụ thể, còn lại huyện đầu tư trọn gói hoặc là hỗ trợ***

***theo tỷ lệ nhằm tránh công trình tăng mức đầu tư, tăng chi phí thì huyện không có tiền đối ứng.***

UBND Tỉnh thống nhất và tiếp thu ý kiến của đại biểu. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND Tỉnh xem xét, hỗ trợ trọn gói đối với một số công trình dự án cụ thể, còn lại huyện đầu tư trọn gói hoặc là hỗ trợ theo tỷ lệ trong thời gian tới.

***- Cử tri và Nhân dân huyện Lai Vung quan tâm việc thực hiện Công trình dự án xây dựng Tượng đài, Nhà lưu niệm và dự án khuôn viên đường vào khu mộ anh hùng LLVT Nguyễn Văn Bảy, đề nghị UBND Tỉnh sớm bố trí nguồn vốn và sở, ngành Tỉnh hỗ trợ địa phương tháo gỡ khó khăn về thủ tục để sớm triển khai thực hiện dự án, đáp ứng sự mong đợi của Nhân dân.***

UBND Tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức rà soát phương án đầu tư của 02 dự án nêu trên; đồng thời, báo cáo Thường trực Tỉnh uỷ về phương án đầu tư 02 dự án này, để làm cơ sở hỗ trợ thực hiện các dự án.

***- Đề nghị Tỉnh bố trí cho huyện Lấp Vò vốn còn lại 10 tỷ cho Khu dân cư phía Nam xã Tân Khánh Trung; đối với 02 danh mục đường D5 và D13 đã được bố trí vốn 5 tỷ, đề nghị bố trí vốn còn lại 9,5 tỷ.***

Khi xây dựng phương án phân bổ vốn đầu tư công năm 2024, UBND Tỉnh dự kiến bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu cho UBND huyện Lấp Vò thực hiện các dự án nêu trên từ nguồn vốn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp địa phương (500 tỷ đồng). Sau khi nguồn vốn này được cấp có thẩm quyền giao chính thức, UBND Tỉnh sẽ phân bổ chi tiết vốn để tổ chức thực hiện các dự án.

**7. Đối với Tờ trình số 182/TTr-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về dự thảo Nghị quyết thông qua danh mục dự án thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.**

***Đề nghị xem xét, bổ sung 04 tiểu dự án cho thành phố Sa Đéc: Khu đô thị Hoa sen, Khu đô thị Vườn Hồng, Khu đô thị nhà vườn Đông Dương, Khu đô thị Thành phố Xanh (Công văn số: 1075/UBND-HC của Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đéc gửi về tỉnh ngày 11 tháng 10 năm 2023)***

Dự án Tổ hợp Đô thị - Du lịch Flower World Sa Đéc, có quy mô diện tích 363,50 ha tại địa bàn xã Tân Quy Tây, xã Tân Phú Đông và phường An Hòa đã được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ cho chủ trương (Thông báo số 803-TB/VPTU ngày 27 tháng 9 năm 2022).

Ngày 11/10/2023, UBND thành phố Sa Đéc có Công văn số 1075/UBND-HC đề xuất điều chỉnh dự án trên chia thành 04 dự án: “1. Tiểu dự án Khu đô thị Hoa Sen, với diện tích 24,66 ha. 2. Tiểu dự án Khu đô thị Vườn Hồng, với diện tích 16,31 ha. 3. Tiểu dự án Khu đô thị Nhà vườn Đông Dương, với diện tích 77,18 ha. 4. Tiểu dự án Khu đô thị Thành phố Xanh, với diện tích 174,46 ha”.

UBND Tỉnh sẽ giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các ngành liên quan thẩm định cơ sở pháp lý điều chỉnh dự án. Trường hợp đủ điều kiện thì Ban cán sự đảng UBND Tỉnh sẽ hoàn chỉnh hồ sơ trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét. Sau khi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

***- Đề nghị bổ sung danh mục thu hồi đất đối với dự án đường N16 vào Khu bảo tồn Vườn Sếu (đoạn từ đường kết nối ĐT 843, ĐT 855 đến ranh Vườn Quốc gia Tràm Chim) bằng nguồn vốn của huyện Tam Nông, dự kiến khởi công đầu năm 2024***

Qua thẩm định, dự án chưa được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch. Do đó dự án chưa đủ điều kiện trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua theo quy định tại khoản 6 Điều 46 của Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quy định: “Đối với các công trình, dự án theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch”. Sau khi UBND huyện Tam Nông hoàn chỉnh hồ sơ, UBND Tỉnh sẽ trình HĐND Tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

**8. Đối với Tờ trình số 168/TTr-UBND ngày 05/10/2023 của UBND Tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định về nội dung và định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

***Thực hiện Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính, Tỉnh Đồng Tháp quy định mức chi xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước là 80%. Đề xuất nên nâng lên mức hỗ trợ là 100% nhằm khuyến khích và có đề tài đạt chất lượng.***

Dự thảo Nghị quyết được Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu, xây dựng theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời, có lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng quy định. Việc thống nhất mức chi áp dụng đối với nhiệm vụ cấp Tỉnh là bằng 80% so với khung định mức của Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính nhằm: Đảm bảo sự tương đồng với các Tỉnh lân cận; Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và điều kiện kinh tế - xã hội của Tỉnh (trong điều kiện tỉnh Đồng Tháp còn nhận trợ cấp của Ngân sách Trung ương).

**9. Đối với Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 10/11/2023 của UBND Tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định số lượng và mức chi phụ cấp hằng tháng đối với cộng tác viên công tác xã hội xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030.**

**- Đề nghị bổ sung quy định về kinh phí thực hiện: Được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo phân cấp hiện hành. Lý do, thời gian qua nhiều chính sách mới, nhiệm vụ chi mới được ban hành (chế độ đào tạo, ủy quyền định giá đất cụ thể...) đều quy định chi theo phân cấp, nhưng địa phương không có nguồn, không được đảm bảo nguồn theo quy định của Luật Ngân sách, trong khi dự toán đã giao đều có nhiệm vụ chi, rất khó khăn cho địa phương trong quá trình thực hiện.**

Việc lập, phân bổ và quyết toán dự toán kinh phí thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội (bao gồm kinh phí thực hiện phụ cấp hàng tháng đối với công tác viên công tác xã hội) đã được quy định cụ thể tại Điều 7 Thông tư số 03/2022/TT-BTC<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, đây là nhiệm vụ chi đã được thực hiện trong thời gian qua theo quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2011/TTLT/BTC-BLĐTBXH<sup>2</sup> (hiện tại, nội dung quy định này đã được thay thế bởi Thông tư số 03/2022/TT-BTC). Do đó, đề nghị giữ nguyên theo dự thảo Nghị quyết.

**- Đa số ý kiến thống nhất theo mức chi của dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, có ý kiến đề nghị Tỉnh xem xét để từ tháng 7/2024 về sau, mỗi năm tăng thêm mức phụ cấp cho công tác viên từ 0,5 - 1%.**

Mức chi phụ cấp hàng tháng tại dự thảo Nghị quyết được quy định trên cơ sở kế thừa mức chi đã thực hiện trong thời gian qua theo quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2011/TTLT/BTC-BLĐTBXH và Thông tư số 07/2013/TT-BLĐTBXH. Do đó, trường hợp, quy định tăng mức chi sẽ dẫn đến tăng chi thường xuyên ngân sách địa phương. Ngoài ra, mức lương cơ sở hiện nay, đã được Chính phủ điều chỉnh tăng từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng/tháng kể từ 01/7/2023 tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP<sup>3</sup>. Do đó, để đảm bảo khả năng cân đối ngân sách địa phương, đề nghị giữ nguyên mức chi theo dự thảo Nghị quyết.

**10. Đối với Tờ trình số 218/TTr-UBND ngày 07/12/2023 của UBND Tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành về chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**- Đề nghị bổ sung nhiệm vụ đối với chức danh Văn thư - Lưu trữ kiêm Thủ quỹ**

<sup>1</sup> Thông tư số 03/2022/TT-BTC ngày 12/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình phát triển công tác xã hội, trợ giúp người khuyết tật, trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030.

<sup>2</sup> Thông tư liên tịch số 11/2011/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 26/01/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020.

<sup>3</sup> Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.



Việc quy định cụ thể nhiệm vụ của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (*quy định tại khoản 9 Điều 36 của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ*). Về nhiệm vụ Thủ quỹ: Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và năng lực của cán bộ ở cơ quan, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định phân công phụ trách thủ quỹ theo Luật Kế toán cho phù hợp.

**- Đề nghị dự thảo Nghị quyết giữ nguyên mức quy định về mức phụ cấp và trợ cấp theo bảng cho người hoạt động chuyên trách như Nghị quyết số 260/2019/NQ-HĐND hiện đang có hiệu lực.**

Tổng mức phụ cấp và trợ cấp theo bảng cấp của dự thảo Nghị quyết mới vẫn bằng tổng mức phụ cấp và trợ cấp theo bảng cấp của Nghị quyết số 260/2019/NQ-HĐND. Do đó, đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

**- Xem xét để từ tháng 7/2024 về sau, mỗi năm tăng thêm mức phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách khoảng 5%. Bên cạnh, có ý kiến đề nghị cách tính phụ cấp người hoạt động không chuyên trách từ tháng 7/2024 trở đi được tính theo tỷ lệ % so với mức lương công chức cấp xã: Đại học là 75%, Cao đẳng là 70%, Trung cấp 65%; riêng người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp, khóm được hưởng phụ cấp bằng 50% lương công chức xã**

Việc quy định tăng tỷ lệ hằng năm hoặc tính theo tỷ lệ bằng cấp so với công chức là không có cơ sở và không đảm bảo khả năng cân đối ngân sách địa phương trong giai đoạn hiện nay. Về mức phụ cấp từ tháng 7/2024 về sau cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi thực hiện chính sách cải cách tiền lương mới do Chính phủ quy định. Khi có quy định mới của Chính phủ, UBND Tỉnh sẽ tổ chức triển khai thực hiện.

**- Đề nghị điều chỉnh mức phụ cấp và trợ cấp theo bảng đối với khóm, ấp đội trưởng ngang bằng với mức phụ cấp, trợ cấp người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP: "*Đối với thôn đội trưởng: Mức hưởng phụ cấp hàng tháng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nhưng không thấp hơn 745.000 đồng*". Theo đó, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, UBND Tỉnh đã tham mưu HĐND Tỉnh mức phụ cấp hệ số 1,0 và trợ cấp theo bảng chuyên môn. Đồng thời, theo dự thảo Nghị quyết thì tổng mức phụ cấp và trợ cấp theo bảng đối với ấp đội trưởng, khóm đội trưởng, đã ngang bằng với tổng mức phụ cấp và trợ cấp theo bảng đối với người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm. Do đó, đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

**- Đối với các xã, thị trấn thuộc địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự, khu vực biên giới, đề nghị nâng mức phụ cấp cho người hoạt động không chuyên**

***trách ở cấp xã ngang bằng với mức phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm***

Quy định mức phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc thẩm quyền của Chính phủ và được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 34 của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Do đó, đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

***- Đối với chức danh Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, đề nghị bổ sung thêm tên gọi tương đương là kiểm tra Đảng ủy***

Tiếp thu ý kiến đại biểu và đã điều chỉnh, bổ sung vào dự thảo.

***- Xem xét có chế độ bảo hiểm xã hội cho người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm:***

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ; tuy nhiên, Nghị định không quy định bảo hiểm xã hội bắt buộc và không giao địa phương ban hành chế độ hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm. Việc hỗ trợ BHXH cho người hoạt động không chuyên trách ấp, khóm được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 134/2015/NĐ-CP; cụ thể, được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng 10% trên mức đóng BHXH hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn.

***- Đề nghị giải thích vì sao không quy định phụ cấp kiêm nhiệm đối với các chức danh của người hoạt động không chuyên trách cấp xã***

UBND Tỉnh tiếp thu ý kiến và đã điều chỉnh, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

***- Đề nghị xem xét nâng mức khoán tối thiểu cho phù hợp với thực tế, quy định mức khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã tối thiểu là 500.000đồng/tháng là rất thấp.***

Dự thảo Nghị quyết đề xuất mức hỗ trợ tăng tương đương mức tăng 20% so với quy định tại Nghị quyết số 260/2019/NQ-HĐND (*tương đương mức tăng 20% so với mức tăng của mức lương cơ sở*). Mặt khác, dự thảo Nghị quyết là mức tối thiểu bố trí từ ngân sách Tỉnh, trường hợp các huyện, thành phố có khả năng cân đối được nguồn NSDP thì tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí hỗ trợ thêm cho các tổ chức chính trị xã hội cấp xã.

***- Đề nghị Tỉnh xem xét thống nhất chung công nhận xã Thường Lạc thuộc khu vực biên giới (do xã Thường Thới Hậu B là xã biên giới sáp nhập vào Thường Lạc để tạo thành xã Thường Lạc như hiện nay) để người hoạt động không chuyên trách được hưởng mức phụ cấp, trợ cấp của xã biên giới***

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có Nghị quyết số 838/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 sáp nhập toàn bộ diện tích và dân số của xã Thường Thới Hậu B (là xã biên giới) vào xã Thường Lạc, huyện Hồng Ngự; như vậy, xã Thường

Lạc thuộc khu vực biên giới trên bộ theo quy định của Luật Biên giới quốc gia (quy định tại văn bản số 4030/BQP-TM ngày 09/10/2021 của Bộ Quốc phòng về việc công nhận xã biên giới thuộc tỉnh Đồng Tháp).

**- Khoản 2 Điều 3 dự thảo Quy định đề nghị điều chỉnh thành:** “Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh về giao số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khung chức danh quy định tại khoản 1 Điều này quyết định số lượng cụ thể, phê duyệt danh sách chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã ở từng đơn vị hành chính cấp xã bảo đảm tinh gọn, hiệu quả.”

Tại khoản 5 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định: "Hàng năm, UBND cấp huyện quyết định số lượng cụ thể người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở từng đơn vị hành chính cấp xã...", nên không nêu lại trong Nghị quyết. UBND Tỉnh đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết.

**- Khoản 3 Điều 5 dự thảo Quy định đề nghị điều chỉnh thành** “Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị, cao cấp lý luận chính trị - hành chính, trung cấp lý luận chính trị, trung cấp lý luận chính trị - hành chính, ngoài chế độ quy định tại khoản 1 Điều này, hàng tháng còn được trợ cấp thêm 0,36 lần mức lương cơ sở. Thời gian hưởng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.”

**- Khoản 3 Điều 6 dự thảo Quy định đề nghị điều chỉnh thành** “Người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm, có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị, cao cấp lý luận chính trị - hành chính, trung cấp lý luận chính trị, trung cấp lý luận chính trị - hành chính, ngoài chế độ quy định tại khoản 1 Điều này, hàng tháng còn được trợ cấp thêm 0,36 lần mức lương cơ sở. Thời gian hưởng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.”

Dự thảo Nghị quyết nêu đúng theo quy định tại khoản 1 của Thông báo số 492-TB/TU ngày 26/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, kết luận về thực hiện chế độ trợ cấp theo bằng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở ấp, khóm theo Nghị quyết số 260/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tỉnh. UBND Tỉnh đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết.

**- Đề nghị UBND Tỉnh quy định cụ thể lộ trình chuẩn hóa trình độ chuyên môn và phương hướng xử lý tiếp theo đối với số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã trong 712 người hoạt động không chuyên trách chưa có bằng chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.**

-Tại khoản 1 Điều 38 của Nghị định 33/2023/NĐ-CP quy định: “Người hoạt động không chuyên trách cấp xã quy định tại điểm 3 khoản 3 Điều 34 mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định này thì trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định. Hết thời hạn này mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định thì thực hiện chế độ nghỉ hưu (nếu đủ điều kiện) hoặc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ”. UBND Tỉnh không quy định thêm trong dự thảo Nghị quyết.

**11. Đối với Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 10/11/2023 của UBND Tỉnh và dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

- *Dự thảo Nghị quyết chỉ quy định mức hỗ trợ cho đội trưởng và đội phó, không hỗ trợ cho đội viên như vậy sẽ khó vận động người dân tham gia. Đề nghị xem xét có mức hỗ trợ thành viên Đội dân phòng cho phù hợp để có kinh phí sinh hoạt, công tác.*

- *Dự thảo Nghị quyết quy định nguồn kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành nên huyện không thực hiện được do ngân sách một số huyện vẫn còn khó khăn. Đề nghị Tỉnh xem xét đối với các địa phương không cân đối được nên phân bổ nguồn vốn Tỉnh để huyện thực hiện.*

Việc dự thảo Nghị quyết chỉ quy định mức hỗ trợ cho đội trưởng và đội phó là thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn và cứu hộ của lực lượng phòng cháy, chữa cháy và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Đồng thời, căn cứ theo quy định tại khoản Điều 9 Luật ngân sách nhà nước năm 2015, HĐND tỉnh chỉ ban hành các chế độ, chính sách làm tăng chi ngân sách khi đảm bảo được nguồn ngân sách địa phương. Tuy nhiên, thực tế thu Ngân sách địa phương năm 2021, 2022 và ước thực hiện năm 2023, ngân sách cấp tỉnh hụt thu liên tục, trong khi ngân sách 12 huyện, thành phố đều tăng thu; do đó, việc phân cấp nhiệm vụ chi theo dự thảo Nghị quyết là phù hợp và đúng quy định.

**12. Đối với Tờ trình số 177/TTr-UBND ngày 25/10/2023 của UBND Tỉnh về dự thảo Nghị quyết giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính của tỉnh Đồng Tháp năm 2024 và dự thảo Nghị quyết phê duyệt tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập; các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Đồng Tháp năm 2024**

- *Đề nghị Tỉnh xem xét cho phù hợp, làm rõ mục tiêu, cơ sở, giải pháp tinh giản theo lộ trình chung của Tỉnh, không nên cào bằng việc tinh giản 5%*

***biên chế công chức cho các địa phương, đơn vị, nhất là địa phương cấp huyện; phân bổ biên chế đơn vị cấp huyện nên giống nhau vì số lượng phòng ban chuyên môn giống nhau (hiện nay huyện Hồng Ngự chỉ có 99 biên chế, thấp hơn các địa phương khác, tuy nhiên phải thực hiện tinh giản biên chế giống nhau).***

Thực hiện Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị, thì trong giai đoạn 2022 – 2026, Tỉnh tiếp tục thực hiện giảm 5% biên chế công chức. Việc đề xuất, trình HĐND Tỉnh phân bổ biên chế công chức cho các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện được UBND Tỉnh thực hiện trên cơ sở bám sát chỉ tiêu được Trung ương giao và kết quả rà soát chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm và điều kiện đặc thù của từng ngành, địa phương. Theo Kế hoạch quản lý sử dụng biên chế giai đoạn 2022 - 2026 của UBND Tỉnh, thì tỷ lệ giảm biên chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương có khác nhau.

Đề nghị các địa phương tiếp tục rà soát, hoàn thiện tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và thực hiện tốt công tác tinh giản biên chế, gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức để phát huy hiệu lực, hiệu quả của bộ máy chính quyền địa phương, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

***- Đề nghị UBND Tỉnh và các ngành chuyên môn cần có đánh giá cụ thể và đề ra lộ trình, giải pháp thực hiện để giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu giáo viên tại nhiều trường phổ thông công lập hiện nay, trong khi hạn chế này nêu ra từ nhiều năm trước***

Việc thừa, thiếu cục bộ giáo viên không chỉ là vấn đề của riêng tỉnh Đồng Tháp mà các địa phương trong cả nước gặp phải khó khăn này. Nguyên nhân chủ yếu: (1) Số lượng học sinh hằng năm không ổn định (tăng, giảm theo phát triển dân số từng thời điểm), dẫn đến số lớp không ổn định và tình trạng thừa, thiếu cục bộ giáo viên ở một số nơi; (2) Giáo viên xin nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc do thu nhập không cao so với các nghề khác, trong khi đó áp lực công việc có chiều hướng tăng, nhất là dư luận xã hội; (3) việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới yêu cầu giáo viên có cách tiếp cận mới, hiện đại năng động sáng tạo, một số giáo viên (nhất là giáo viên lớn tuổi) không đáp ứng được yêu cầu, xin nghỉ hưu, tinh giản biên chế, thôi việc; (4) Công tác tuyển dụng giáo viên theo đúng quy trình quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 (một) trường có chỉ tiêu tuyển dụng, dẫn đến ứng viên ưu tiên nộp hồ sơ ở các trường khu vực thành thị (có ít chỉ tiêu nhưng có nhiều ứng viên đăng ký dự tuyển), trường khu vực nông thôn (có nhiều chỉ tiêu nhưng không có ứng viên đăng ký dự tuyển), 01 ứng viên có thể nộp hồ sơ dự tuyển tại nhiều địa phương, sau khi trúng tuyển chọn 1 địa phương nào thuận lợi nhất để công tác dẫn đến số lượng ảo trong tuyển dụng; nhân lực có trình độ tiếng anh, tin học và năng khiếu

có nhiều cơ hội việc làm ngành, nghề khác với mức thu nhập cao hơn dạy học nên ít tham tuyển dụng.

Thời gian qua, UBND Tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện các biện pháp từng bước khắc phục thừa, thiếu cục bộ giáo viên như: (1) ban hành Kế hoạch khắc phục việc thừa, thiếu cục bộ giáo viên và thiếu giáo viên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; (2) tổ chức tuyển dụng giáo viên trong biên chế được giao; (3) hợp đồng giáo viên giảng dạy theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; (4) điều chỉnh Quy chế xét chuyên công tác đối với viên chức ngành Giáo dục trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp để khắc phục khó khăn trong biệt phái, điều động giáo viên từ trường thừa sang trường thiếu khác huyện, thành phố; (5) sắp xếp các cơ sở giáo dục có quy mô nhỏ để sử dụng biên chế gián tiếp dôi ra thành biên chế trực tiếp giảng dạy; (6) đặt hàng đào tạo sinh viên sư phạm (*các môn tiếng anh, tin học và năng khiếu*) theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm nhằm tạo nguồn tuyển dụng giáo viên các môn khó tuyển dụng...

Tuy nhiên, việc giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên không thể thực hiện trong thời gian ngắn mà cần phải có lộ trình. UBND Tỉnh xin tiếp thu ý kiến đại biểu và tiếp tục quan tâm chỉ đạo trong thời gian tới.

**13. Đối với Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 17/11/2023 của UBND Tỉnh về dự thảo Nghị quyết về giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

*Trước đây dân số của xã Thường Phước 1 chỉ khoảng trên 14 nghìn người. Đến nay, theo số liệu thống kê tại công văn số 446/CTK-TKXH của Cục Thống kê Tỉnh thì dân số xã Thường Phước 1 là 16.508 người. Đề nghị Tỉnh xem xét nâng số người hoạt động không chuyên trách cho xã Thường Phước 1 thuộc huyện Hồng Ngự từ 01 lên 02 người (tăng theo dân số) để tổng số là 16 người cho phù hợp với thực tế.*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15, quy mô dân số của đơn vị hành chính gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận. Do đó, để tính số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã thì phải căn cứ vào số dân do Công an Tỉnh cung cấp. Theo số liệu, dân số của xã Thường Phước 1 tính đến ngày 14/02/2023 là 14.639 người (số liệu do Công an tỉnh cung cấp).

**14. Đối với Tờ trình số 214/TTr-UBND ngày 05/12/2023 của UBND Tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người tham gia Chương trình học và**

**thực hành tại doanh nghiệp ở nước ngoài do Ủy ban nhân dân Tỉnh ký kết, hợp tác đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.**

**- Tại khoản 1 Điều 2: Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là người lao động thường trú trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng nhưng không thông qua các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Tỉnh quản lý về lao động để tuyển dụng lao động đưa đi làm việc ở nước ngoài.**

UBND Tỉnh đã điều chỉnh lại như sau: Người lao động đi làm việc ở nước ngoài thông qua các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã có thông báo với chính quyền địa phương bằng văn bản theo quy định để tuyển dụng lao động đưa đi làm việc ở nước ngoài.

Theo quy định của Luật đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020, doanh nghiệp phải thông báo chính xác với chính quyền địa phương và người lao động, nhằm bảo đảm cho người lao động, chính quyền địa phương nắm bắt đầy đủ thông tin, quyền lợi khi đi làm việc ở nước ngoài, nhất là thông tin về chi phí, tránh những rủi ro. Nếu bổ sung thêm nội dung như đại biểu đề cập sẽ có nhiều rủi ro cho người lao động, do không nắm bắt được thông tin để lựa chọn, cơ quan, chính quyền địa phương không kiểm soát được các doanh nghiệp làm ảnh hưởng đến chương trình của Tỉnh.

**- Tại Điều 3:**

**Tại điểm a khoản 1 Điều 3: Đề nghị nâng mức hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ lên 4 triệu đồng/người/khoá học.**

**Tại điểm b khoản 1 Điều 3: Đề nghị xem xét nâng mức hỗ trợ bồi dưỡng giáo dục định hướng theo chi phí thực tế lên 3 triệu đồng/người/khoá học.**

**Đề nghị quy định rõ nội dung, mức hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ, giáo dục định hướng, học nghề, khám sức khoẻ là kinh phí hoàn lại hay không hoàn lại (giống như Nghị quyết số 392/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Tỉnh).**

Mức chi hỗ trợ học ngoại ngữ tối đa 3 triệu đồng, bồi dưỡng giáo dục định hướng tối đa 530.000 đồng là phù hợp với quy định tại Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTĐBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo v.v. đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ, giáo dục định hướng, học nghề và khám sức khoẻ là chi phí hỗ trợ không hoàn lại, khi có đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của dự thảo, người lao động sẽ được hỗ trợ như quy định tại Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTĐBXH-BTC.

**- Cần bổ sung quy định một khoản riêng về xử lý rủi ro đối với tiền hỗ trợ**

Tiếp thu ý kiến của đại biểu, cơ quan soạn thảo sẽ nghiên cứu, bổ sung.

**- Đề nghị bổ sung thêm 01 Điều quy định về nguồn kinh phí thực hiện, trong đó cơ cấu thành 02 khoản: 1. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành. 2. Nguồn kinh phí cho vay: Từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách - Xã hội.**

**Tại điểm b khoản 1 Điều 4: Đối với mức vay từ 100 triệu đồng trở lên, đề nghị không áp dụng quy định “phải có tài sản bảo đảm tiền vay” nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động muốn tham gia Chương trình, nhất là những trường hợp thuộc diện kinh tế khó khăn. Bên cạnh, cần bổ sung quy định: Trường hợp cá biệt có nhu cầu vay đủ 100% chi phí thì do Ban Chỉ đạo Chương trình Việc làm và Giảm nghèo Tỉnh xem xét quyết định (giống như Nghị quyết số 392/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Tỉnh).**

**- Đề nghị xem xét, có cơ chế tùy theo thị trường lao động mà quy định mức tín chấp, thế chấp cho phù hợp để bảo đảm chi phí XKLD thực tế”**

Theo quy định tại Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm:... “đối với mức vay từ 100 triệu đồng trở lên . . . phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm”. Như vậy việc quy định mức vay từ 100 triệu đồng trở lên phải có tài sản bảo đảm tiền vay là phù hợp với quy định.

**- Nên giao Trung tâm dịch vụ việc làm Tỉnh thực hiện việc chi trả tiền hỗ trợ để có sự thống nhất, đồng bộ trong toàn Tỉnh.**

Việc giao cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chi hỗ trợ cho người lao động là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC; đồng thời, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động ở địa phương.

**- Hiện nay Tỉnh thực hiện ký kết với 28 công ty, doanh nghiệp. Tuy nhiên, số đơn vị đã được Bộ LĐ-TB&XH cấp phép rất nhiều, thực tế có nhiều người XKLD không qua các doanh nghiệp do TTDVVL ký kết. Đề nghị Sở LĐ-TB&XH rà soát ký kết thêm với nhiều công ty, nhất là các công ty có nhiều lao động của Tỉnh tham gia nhưng chưa thực hiện ký kết với Tỉnh để người lao động dễ dàng chọn lựa.**

Tiếp thu ý kiến của đại biểu, UBND Tỉnh sẽ giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xem xét, tiếp nhận các Thông báo bằng văn bản của các doanh nghiệp, lựa chọn các doanh nghiệp có tiềm năng, uy tín, chất lượng, bảo đảm



quyền lợi của người lao động, chi phí thấp nhất như chủ trương của Tỉnh để thông báo cho các địa phương, người lao động nắm bắt lựa chọn.

**- Đề nghị UBND Tỉnh có giải pháp tăng cường kiểm tra chi phí xuất cảnh, thực hiện thông tin rộng rãi, kịp thời đối với các doanh nghiệp XKLD có ký kết với Tỉnh để người có nhu cầu XKLD biết, thực hiện.**

Việc yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định của pháp luật khi đến địa bàn Tỉnh tuyển lao động, trong đó, yêu cầu: “*có thông báo với chính quyền địa phương bằng văn bản*” về tiêu chuẩn, điều kiện, chi phí và các quyền lợi khác của người lao động . . . , là giải pháp kiểm tra chi phí xuất cảnh, từ đó sẽ thông tin rộng rãi đến người dân, người lao động và chính quyền địa phương nắm bắt, lựa chọn tham gia.

**15. Đối với Tờ trình số 213/TTr-UBND ngày 04/12/2023 của UBND Tỉnh và dự thảo Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án hạ tầng Khu công nghiệp Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp**

**- Dự án này trước đây thực hiện trong giai đoạn 2016-2023, tuy nhiên UBND Tỉnh đã điều chỉnh kéo dài thời gian sang giai đoạn 2016-2025. Đề nghị UBND Tỉnh đánh giá nguyên nhân, làm rõ trách nhiệm cơ quan chủ quản kéo dài thời gian, làm cắt giảm nguồn vốn Trung ương.**

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án gặp nhiều vướng mắc về đền bù giải phóng mặt bằng nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các hạng mục hạ tầng theo kế hoạch ban đầu, còn lại 08 gói thầu xây dựng hạ tầng chưa thực hiện.

Đồng thời giá vật tư thực tế tăng cao do biến động giá (giá hạng mục công trình trong dự án đã được duyệt thấp hơn giá hiện tại), nên giá dự toán đã được phê duyệt không còn phù hợp, được cập nhật lại dự toán tăng cao, làm tăng tổng mức đầu tư dự án so với chủ trương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, dẫn đến phải thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, làm cơ sở thực hiện phê duyệt thiết kế và thi công các gói thầu hạ tầng còn lại. Tiếp thu ý kiến đại biểu, UBND Tỉnh sẽ chỉ đạo rà soát, chấn chỉnh các hạn chế trong triển khai dự án thời gian qua.

**- Việc quyết định giá cát (40.000 đồng/m<sup>3</sup>) bán cho Dự án thấp hơn giá cát do UBND Tỉnh công bố (60.000 đồng/m<sup>3</sup>) là chưa đúng quy định.**

Tại thời điểm phê duyệt chủ trương đầu tư dự án lần đầu (*tại Quyết định chủ trương đầu tư số 2433/QĐ-TTg ngày 13/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ*), đơn giá cát san lấp tại nơi khai thác là **19.400 đồng/m<sup>3</sup>**; đến thời điểm tháng 10/2017, đơn giá cát san lấp tại nơi khai thác là **60.000 đồng/m<sup>3</sup>** (*theo Công bố số 416/CB-LS ngày 08/11/2017 của Liên Sở Tài chính - Xây dựng*). Để không làm tổng mức đầu tư dự án tăng cao, UBND Tỉnh đã thống nhất cho phép điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án với đơn giá cát tại nơi khai thác là **40.000 đồng/m<sup>3</sup>**. Nội dung này

chưa phù hợp và cũng đã được Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX chỉ ra. UBND Tỉnh nghiêm túc rút kinh nghiệm nội dung này và đã chỉ đạo thực hiện xử lý.

Thực hiện theo kiến nghị Kiểm toán Nhà nước, Công ty BMC đã thực hiện tăng giá bán cát cho KCN Tân Kiều từ năm 2020 theo thông báo kết luận Kiểm toán nhà nước, và đã xuất hóa đơn điều chỉnh, kê khai thuế và đã thực hiện nộp ngân sách theo kiến nghị kiểm toán nhà nước trong đó có phần thuế TNDN tăng thêm giá tăng giá bán cát năm 2020.

Từ năm 2021 đến nay, Công ty đã thực hiện xuất hóa đơn bán cát cho KCN Tân Kiều với giá 60.000 đồng/m<sup>3</sup>. Việc tăng giá cát từ 40.000 đồng/m<sup>3</sup> lên 60.000 đồng/m<sup>3</sup> là tăng nguồn vốn cổ phần ngân sách nhà nước và tăng nguồn vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp; doanh thu, lợi nhuận trong năm của công ty tăng lên do giá bán tăng. Vì nguồn cát cung cấp cho công trình Khu công nghiệp Tân Kiều cũng do Công ty cung cấp nên không phải bố trí nguồn vốn để chi trả cho việc tăng giá cát mà chỉ làm tăng thêm giá trị đầu tư của Khu công nghiệp. Công ty đã tiến hành kê khai thuế và nộp ngân sách nhà nước theo đúng qui định.

***- Việc xây dựng và thẩm định dự toán của Dự án chưa chặt chẽ, cập nhật chưa đầy đủ các chi phí theo quy định dẫn đến khi triển khai điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư phải điều chỉnh nhiều lần.***

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND Tỉnh sẽ chỉ đạo chấn chỉnh công tác xây dựng và thẩm định dự toán không chỉ của dự án KCN Tân Kiều mà yêu cầu chấn chỉnh cho tất cả các dự án khác trong thời gian tới.

***- Việc triển khai các gói thầu của Dự án Thành phần 1 từ ngân sách nhà nước, trong đó nguồn vốn Trung ương hỗ trợ cho Dự án 90 tỷ đồng nhưng tiến độ giải ngân chậm, quá thời gian quy định nên bị Trung ương cắt giảm vốn 18,936 tỷ đồng, Tỉnh phải cân đối nguồn vốn địa phương để bù vào phần vốn Trung ương cắt giảm, trong khi nguồn NSDP còn rất khó khăn.***

Tiếp thu ý kiến của Ban KTNS, UBND Tỉnh nghiêm túc chấn chỉnh những hạn chế và sẽ xem xét, kiểm điểm trách nhiệm các đơn vị có liên quan.

***- Đến nay, còn 01 hộ dân khiếu nại trong Dự án chưa bàn giao mặt bằng để thi công. Cần đánh giá tiến độ, thời gian giải quyết dứt điểm của hộ dân này và tính khả thi trong triển khai Dự án đến hết năm 2025.***

Hiện nay trong dự án, còn 01 trường hợp chưa nhận tiền bồi thường, chưa bàn giao mặt bằng, UBND huyện Tháp Mười đã ban hành Quyết định 5506/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất.

UBND huyện Tháp Mười đã giao UBND xã chủ trì phối hợp với Tổ Tuyên truyền vận động huyện và các ngành chuyên môn tổ chức tiếp xúc, vận động hộ dân chấp hành nhận tiền, nền tái định cư theo phương án đã được phê duyệt và

cam kết di dời tài sản vật kiến trúc trên đất, bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công. Trường hợp hộ dân không chấp hành bàn giao mặt bằng theo Quyết định thu hồi đất thì UBND huyện Tháp Mười sẽ thực hiện cưỡng chế để giao đất cho chủ đầu tư, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án. UBND Tỉnh sẽ tiếp tục theo dõi, đôn đốc giải quyết dứt điểm công tác giải phóng mặt bằng.

Ủy ban nhân dân Tỉnh trân trọng báo cáo Hội đồng nhân dân Tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT/HĐND Tỉnh;
- Các đại biểu dự họp;
- Các sở, ngành Tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TH (Khánh).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Thiện Nghĩa**

**Phụ lục**  
**TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023**  
**CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân đến ngày báo cáo	Tỷ lệ so với kế hoạch vốn năm 2023 điều chỉnh	Ghi chú
				6=5/4	
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>5</b>		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.498.329</b>	<b>5.006.809</b>	<b>77,05%</b>	
<b>A</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	<b>3.413.516</b>	<b>2.709.459</b>	<b>79,37%</b>	
<b>I</b>	<b>CÁC SỞ</b>	<b>602.883</b>	<b>421.077</b>	<b>69,84%</b>	
1	Sở Y tế	-	-		
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7.500	155	2,07%	
3	Sở NN&PTNT	122.895	69.834	56,82%	
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	8.105	5.120	63,18%	
5	Sở Giao thông vận tải	262.202	176.866	67,45%	
6	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	6.577	4.504	68,49%	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	139.959	115.806	82,74%	
8	Sở Thông tin và Truyền thông	44.157	37.908	85,85%	
9	Sở Xây dựng	1.464	1.280	87,44%	
10	Sở VHTTDL	6.580	6.161	93,62%	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	3.444	3.443	99,98%	
<b>II</b>	<b>CÁC BAN NGÀNH</b>	<b>2.810.633</b>	<b>2.288.381</b>	<b>81,42%</b>	
1	Trường Cao đẳng Y tế ĐT	-	-		
2	Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn	600	-	0,00%	
3	Vườn Quốc gia Tràm Chim	13.000	2.813	21,64%	
4	Đoàn kinh tế QP 959	16.200	8.517	52,57%	

5	Trung tâm đầu tư và khai thác hạ tầng (Ban Quản lý KKT)	59.192	37.685	63,67%	
6	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông Tỉnh	698.115	458.101	65,62%	
7	Ban QLDA ĐXDCT DD&CN Tỉnh	407.981	312.073	76,49%	
8	Công an Tỉnh	54.000	41.636	77,10%	
9	Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh	21.190	16.450	77,63%	
10	Ban QLDA ĐXDCT NN&PTNT Tỉnh	596.190	492.815	82,66%	
11	Ban Quản lý Khu kinh tế	104.205	86.533	83,04%	
12	Trung tâm phát triển quỹ đất	821.460	813.259	99,00%	
13	Đài Phát thanh - Truyền hình	18.500	18.500	100,00%	
<b>B</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>	<b>2.966.577</b>	<b>2.253.409</b>	<b>75,96%</b>	
1	Huyện Lập Vò	171.847	117.815	68,56%	
2	Huyện Tam Nông	271.011	186.837	68,94%	
3	Huyện Thanh Bình	270.848	189.539	69,98%	
4	Thành phố Cao Lãnh	310.920	218.418	70,25%	
5	Huyện Châu Thành	168.825	120.134	71,16%	
6	Thành phố Hồng Ngự	327.113	245.414	75,02%	
7	Huyện Tháp Mười	206.552	157.602	76,30%	
8	Huyện Tân Hồng	187.309	147.698	78,85%	
9	Huyện Cao Lãnh	198.457	160.742	81,00%	
10	Thành phố Sa Đéc	371.278	305.625	82,32%	
11	Huyện Hồng Ngự	279.159	230.095	82,42%	
12	Huyện Lai Vung	203.258	173.488	85,35%	

<b>C</b>	<b>Thanh toán chi phí tất toán công trình hoàn thành</b>	<b>18.237</b>	<b>15.427</b>	<b>84,59%</b>	<b>Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND Tỉnh phân khai chi tiết</b>
<b>D</b>	<b>Quỹ phát triển đất Tỉnh</b>	<b>100.000</b>	<b>28.514</b>	<b>28,51%</b>	